

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày: 05-02-2024.
V/v tranh chấp Hợp đồng tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon.

2. Bà Võ Thị Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phiêu, kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 01 và ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp dân sự Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị C, sinh năm: 1965 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Bà Huỳnh M, sinh năm: 1975 (vắng mặt không có lý do)

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1985 (vắng mặt có đơn xin vắng)

Nơi cư trú: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2022, biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị C trình bày: Bà C và bà M ở cùng xóm, không có mối quan hệ bà con. Vào ngày 07/3/2022 bà M mượn của bà C số tiền 15.000.000đ để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, việc cho mượn không có làm giấy

tờ, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả khi nào bà M chuyển nhượng đất xong sẽ trả lại tiền nợ cho bà C. Đến ngày 20/3/2022a1 bà M tiếp tục mượn bà C số tiền 15.000.000đ, với lý do bà M không đủ tiền đóng trước bạ để chuyển nhượng QSD đất, tổng cộng số tiền mượn là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Đến ngày 10/6/2022 bà C có đến nhà của bà M nhưng không gặp và có nghe nói bà M đang ở ấp E, xã T, nên bà C có mượn anh Nguyễn Tấn T ở cùng xóm chở bà C đến ấp E, xã T để gặp bà M. Khi bà C và bà M gặp mặt thì bà M xin giấy tập học sinh và bà M tự viết biên nhận nợ ngày 10/6/2022 với nội dung “Tôi có mượn Huỳnh Thị C 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)”, hẹn thời hạn 02 tháng sẽ trả lại, trả lãi theo lãi suất của ngân hàng, có sự chứng kiến của anh Nguyễn Tấn T. Từ ngày làm biên nhận đến nay bà M không có trả tiền gốc cũng như đóng tiền lãi cho bà C. Ngày làm biên nhận là ngày 10/6/2022a1 nhưng do bà M ghi nhầm lẫn là ngày 10/6/2002a1. Bà C cam đoan chữ ký tên, chữ viết họ tên và chữ viết ghi nội dung trong biên nhận ngày 10/6/2022a1 là của bà Huỳnh M nếu sai bà C hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

Nay bà Huỳnh Thị C yêu cầu cá nhân bà M trả lại số tiền nợ gốc là 30.000.000đ và tiền lãi là 01%/tháng tính từ ngày làm biên nhận nợ là ngày 10/6/2022a1 cho đến khi xét xử.

Bị đơn bà Huỳnh M: vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà M không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của bà C cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của bà M về việc yêu cầu khởi kiện của bà C.

Người làm chứng anh Nguyễn Tấn T trình bày: Do bà C bị gãy chân nên bà C có nhờ anh T chở bà C đến nơi của bà M ở thuộc ấp E, xã T, không nhớ nhà của ai. Tại đây bà M thừa nhận có nợ của bà C số tiền 30.000.000đ, hứa bán đất xong sẽ trả cho bà C, nếu không trả sẽ tính lãi suất theo ngân hàng. Sau đó bà M xin được tấm giấy tập học sinh tự tay bà M viết biên nhận ngày 10/6/2022 với nội dung bà M có mượn bà C số tiền 30.000.000đ, anh T không có đọc lại biên nhận, bà C và bà M kêu anh T ký tên vào biên nhận với tư cách là người chứng kiến nên anh T có ký tên Nguyễn Tấn T vào biên nhận nợ nêu trên. Anh T trực tiếp nhìn thấy bà M tự viết và tự ký tên ghi họ tên vào biên nhận nợ nêu trên. Ngoài ra bà M còn nợ bà C số tiền 3.000.000đ hứa 1-2 ngày sẽ trả lại cho bà C, đối với số tiền 3.000.000đ có ghi vào biên nhận nợ không thì anh T không biết.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị C trình bày: Yêu cầu bà M trả lại số tiền vay gốc là 30.000.000đ và lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày ký Biên nhận là ngày 10/6/2022a1 đến khi xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết

vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng như không có văn bản trình kiến, không đến Tòa án để tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, 2 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình là vi phạm Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015, cần phê phán rút kinh nghiệm.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của bà **C** buộc cá nhân bà **M** trả lại số tiền nợ gốc là 30.000.000đ và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 10/6/2022 đến khi xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, bà **Huỳnh M** hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú **ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Biên nhận nợ ngày 10/6/2022a1, bà **C** có cho bà **M** vay số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), nhưng đến nay bà **M** không trả số tiền nợ nêu trên, nên làm phát sinh tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ Biên nhận nợ ngày 10/6/2022(al), thời hạn trả nợ là 02 tháng, Tranh chấp hợp đồng vay tài sản phát sinh vào năm 2022, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn bà **Huỳnh M** vắng mặt lần thứ hai không có lý do và người làm chứng anh **Nguyễn Tân T** vắng mặt có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy bà **M** đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng bà **M** vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo Biên nhận nợ ngày 10/6/2022a1. Tòa án huyện đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định pháp luật tố tụng, nhưng bà **M** không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **M** do vắng mặt không có lý do và ông **T** vắng mặt có đơn xin vắng là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227,

khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với Hợp đồng vay tài sản:

Căn cứ Biên nhận ngày 10/6/2022 (al), bà C có cho bà M vay số tiền 30.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là có thật và đã xảy ra, bà M đã nhận đủ số tiền vay 30.000.000đ và viết biên nhận nợ có sự chứng kiến của anh Nguyễn Tấn T. Từ khi nhận tiền vay đến nay bà M không có trả tiền vay gốc và lãi cho bà C, căn cứ Biên nhận do bà C cung cấp bà M có nghĩa vụ trả lãi hàng tháng cho bà C với lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả nợ vay là 2 tháng kể từ ngày viết biên nhận nợ, đến nay đã hết thời hạn trả nợ, nhưng bà mai không có trả tiền nợ cho bà C nên bà M đã vi phạm hợp đồng vay tài sản nêu trên đối với bà C. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà C buộc bà M có trách nhiệm trả lại số tiền nợ 30.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Bà C cam đoan chữ ký tên và chữ viết họ tên người vay tiền là của bà Huỳnh M, đồng thời cam đoan từ khi giao tiền vay cho bà M đến nay bà M không trả số tiền gốc và lãi nào khác, nếu sau này phát sinh tranh chấp việc bà M đã trả xong tiền nợ cho bà C, thì bà C hoàn toàn bầu trách nhiệm. Bà M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bà M không có văn bản trình bày ý kiến về việc có nợ tiền của bà C và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của bà M đối với số tiền nợ nêu trên.

[2.2] Đối với yêu cầu trả lãi suất: Bà C yêu cầu bà M trả lãi trên số tiền nợ gốc là 30.000.000đ với lãi suất là 1%/tháng từ ngày ký Biên nhận nợ là ngày 10/6/2022al nhằm ngày 08/7/2022dl là có cơ sở chấp nhận do lãi suất 1%/tháng phù hợp với quy định tại Điều 468 BLDS, lãi suất không quá 20%/năm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của bà Huỳnh Thị C, lãi suất tính từ ngày ký Biên nhận là ngày 08/7/2022dl đến ngày xét xử là ngày 05/02/2024dl là 17 tháng, 28 ngày với số tiền là 5.377.000đ (Năm triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị C buộc bà Huỳnh M có trách nhiệm cá nhân trả lại cho bà Huỳnh Thị C số tiền còn nợ gốc là 30.000.000đ và lãi là 5.377.000đ, tổng cộng là 35.377.000đ (Ba mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 BLDS năm 2015.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn bà Huỳnh M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.769.000đ (Một triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 và điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Thị C** đối với bà **Huỳnh M** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà **Huỳnh M** có trách nhiệm cá nhân trả lại cho bà **Huỳnh Thị C** số tiền còn nợ 35.377.000đ (*Ba mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn bà **Huỳnh M** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.769.000đ (*Một triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

Nguyên đơn bà **Huỳnh Thị C** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà **C** toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 878.000đ (*Tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai số 0004291 ngày 07/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/02/2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Công thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ

